

**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG XANH NHÂN DÂN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG XANH NHÂN DÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAN DAN GREEN ENVIRONMENTAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NHAN DAN GREEN ENVIRONMENTAL CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301283789

**3. Ngày thành lập:** 02/05/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Phú Xá, Xã Văn Môn, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0967069148

Fax:

Email: ducns.389group@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                        | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                               | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                               | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                          | 4390     |
| 5.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                          | 4511     |
| 6.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                               | 4520     |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                           | 4649     |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                           | 4652     |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>- Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) | 4659     |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                      | 4663     |
| 11. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                            | 4669     |
| 12. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                                                                                                | 0150     |
| 13. | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp                                                                                                                                                                       | 0210     |
| 14. | Khai thác gỗ                                                                                                                                                                                                                 | 0220     |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>- Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty sản xuất, kinh doanh.                                                                             | 8299     |
| 16. | Hoạt động cấp tín dụng khác                                                                                                                                                                                                  | 6492     |
| 17. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                            | 4690     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                          | 1610        |
| 19. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                       | 1621        |
| 20. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                 | 1622        |
| 21. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                 | 1623        |
| 22. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                | 1629        |
| 23. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                          | 1701        |
| 24. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                     | 1702        |
| 25. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                                                                                        | 1709        |
| 26. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                            | 2220        |
| 27. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                | 2410        |
| 28. | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                           | 2431        |
| 29. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                          | 2511        |
| 30. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                        | 2591        |
| 31. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                             | 2599        |
| 32. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933        |
| 33. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                     | 5022        |
| 34. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                               | 5510        |
| 35. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610        |
| 36. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                           | 3100        |
| 37. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                          | 3811(Chính) |
| 38. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                | 3812        |
| 39. | Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại                                                                                                                                | 3821        |
| 40. | Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại                                                                                                                                      | 3822        |
| 41. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                        | 3830        |
| 42. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                       | 3900        |
| 43. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101        |
| 44. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102        |
| 45. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212        |
| 46. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 47. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312        |
| 48. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321        |
| 49. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 50. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRƯỜNG ĐỨC LINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 24/10/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027095011803

Ngày cấp: 09/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Phú Xá, Xã Văn Môn, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Phú Xá, Xã Văn Môn, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRƯỜNG ĐỨC LINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/10/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027095011803

Ngày cấp: 09/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Phú Xá, Xã Văn Môn, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Phú Xá, Xã Văn Môn, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh